**Phật giáo Nam Truyền (p117) (Ms. Tâm Từ)**

Lúc bấy giờ, cũng có những vị học giả nổi tiếng khác như Culla-Buddhaghosṣa, và 3 vị khác nữa.

Ngài Buddhadatta (thế kỷ 4 Tây Lịch), là vị tu sĩ vùng Nam Ấn, từng làm Bộ trưởng cho Accuta Vikrama dưới triều đại Kadamba. Ngài viết 5 bộ Luận, trong đó bộ Jinālaṅkāra là nổi tiếng hơn cả. Tuy cùng thời, nhưng tên tuổi của Ngài ít được biết đến như Ngài Phật Âm.

Thông qua nhiều nghiên cứu, có một số kết luận như sau: 1. Ngài Phật Âm sống trước thời Dharmapāla và một số nhà bình luận khác; 2. Bộ Thanh Tịnh Đạo là bộ Luận ra đời sớm nhất trong các tác phẩm của Ngài Phật Âm; 3. Các tác phẩm như Paramatthajotikā, Dhammapadaṭṭhakathā, Jātakaṭṭhakathā, và Pañcapakaraṇaṭṭhakathā, đều không phải của Ngài Phật Âm.

Tại Ceylon xưa kia, chỉ có 3 bộ phái riêng biệt (nikāyas) tại 3 tinh xá là Mahāvihāra, Abhayagiri, và Jetavana. Những bộ phái này chịu ảnh hưởng từ những bộ phái từ vùng Đại lục Ấn độ. Phần lớn thành phần không chấp nhận tư tưởng của các nhà Đại Thừa, trong khi một số họ lại gắn kết tư tưởng vào đời sống của mình.

Thực sự trong quá khứ, Đại Chúng Bộ rất hưng thịnh tại Ceylon, nhưng dần yếu và sau đó là mất hẳn tại đây. Chỉ còn Thượng Tọa Bộ. Tinh xá Mahāvihāra chính là thành trì của Phật giáo Nguyên Thủy. Đấy là vùng quan trọng nhất và lớn nhất tại Anurādhapura.

Lúc bấy giờ, Phật giáo Nam truyền lại hướng đến những vấn đề thần quyền mà Phật giáo Nguyên Thủy nghiêm cấm. Xu hướng này cũng được áp dụng tại các quốc gia Phật giáo vùng Nam Á. Bản Kinh Paritta Suttas được Phật giáo Nam truyền thời bấy giờ hết mực tôn kính. Thượng Tọa Bộ lan rộng các quốc gia vùng Đông Nam Á. Những Tạng Luận Phật giáo phía Bắc của Nhứt Thiết Hữu Bộ ngày càng thịnh hạnh, trong khi Luận phía Nam lại bảo thủ thái quá. Đấy cũng là lý do vì sao Đại Chúng bộ không bắt nguồn từ truyền thống Phật giáo Pāli.

Pháp Dhamma là khái niệm tôn giáo trung tâm theo truyền thống Thượng Tọa Bộ. Sự có mặt của Pháp đem đến gắn kết mạch lạc trong toàn bộ hệ thống tư tưởng thần học Thượng Tọa bộ liên tục từ đời sống này đến cao xa hơn.

Lịch sử Phật giáo trong thời kỳ Anurādhapura đã minh chứng việc tôn thờ ảnh Phật đã sớm phổ bá tại vùng Ceylon, từ thế kỷ 2 Tây lịch. Có ý kiến cho rằng Ceylon là nơi xuất phát ảnh tượng Đức Phật không có giá đỡ *(free-standing)* trong lúc nghệ thuật điêu khắc, trạm chổ của người Ấn đa phần là chỉ dừng lại ở những bức phù điêu, và theo phong tục cha truyền con nối (the former influenced the latter).

Thời điểm này, có 2 loại tự viện. Một là “organic monastery”, và 2 là “pabbata vihāra” theo Anurādhapura cổ xưa.

Phật giáo Nguyên Thủy đã phát triển nhận thức lịch sử riêng biệt, và việc biên soạn hàng loạt các sử ký, mà bắt đầu là Bộ Đảo Sử (Dīpavaṃsa) vào thế kỷ thứ 4, bộ Sāsanavaṃsa, ra đời khoảng 1 thế kỷ sau đó. Một vài sử ký tại Ceylon như Đảo Sử (Dīpavaṃsa) và Đại Sử (Mahāvaṃsa), rất có giá trị trong việc nghiên cứu lịch sử. Hình thức trước đó của bộ Dīpavaṃsa được biên soạn vào khoảng thế kỷ 1 và 2 Tây Lịch. Phiên bản có chỉnh sửa của bộ Mahāvaṃsa được truyền đến Campodia (Cam-pu-chia). Nhìn chung, lịch sử ghi lại không hoàn toàn xác thực với thực tế xảy ra, do vấn đề liên quan tôn giáo.

Sau đó, bất kỳ sự kiện nào xảy ra sau thời kỳ 2 bộ đại sử ký tại ban hành Ceylon, được ghi chép lại trong bộ Tiểu Sử (Cūlavaṃsa). Bộ này bao gồm hàng loạt các phụ lục, do một số học giả biên soạn, và được xem như tập tiếp theo của bộ Đại Sử.

Bản Sīhalavatthupakara là một tập sách lâu đời bao gồm 77 câu chuyện Phật giáo, từ thời Vua Asoka, đến thế kỷ 1 Trước Tây lịch. Phần chính và phần bổ sung được biên soạn sau thế kỷ 4 Tây lịch. Tác phẩm này rất có giá trị cho việc nghiên cứu Ấn Độ và Ceylon cổ xưa. Một vài tác phẩm lịch sử thời hiện đại cũng đi theo môtuýp viết lách trước đó. Bộ Sāsana-vaṃsa (Pháp sử) do Thầy Paññasāmi viết tại Burma vào năm 1861.

Các bộ Luận vẫn tiếp tục ra đời nhiều thế kỷ tiếp theo. Nhiều bộ tâm lý học và triết học được soạn thảo. Trong đó, bộ Luận Abhidhammattha-saṃgaha do Thầy Anuruddha soạn viết, khoảng thế kỷ 12, được đánh giá là quan trong bậc nhất. Thế nên, đến thời điểm hiện nay, tập Luận vẫn được Ceylon và Burma hết mực tôn kính. Tập luận Abhidhammamūlaṭikā rất đáng được lưu tâm. Tập Yogāvacara chuyên dạy về thiền. Tập luận bằng ngôn ngữ Pāli Dṭhammakāya hoặc Dhammakāyassa Aṭṭhavaṇṇanā là một tác phẩm ngắn giống như sách hướng dẫn của bộ phái Yogāvacara. Tập luận Sīmālaṅkārasaṃgraha, do Thầy người Ceylon, tên Vācissara biên soạn dưới dạng tiểu thuyết (thế kỷ 13), với tâm ý là rút ngắn giáo pháp chính yếu từ đề tài Sīmā, khu vực đã được phân ranh giới

Đạo đức của cư sĩ tại gia cũng được thuyết giảng trong thời kỳ này. Tập Luận Upāsakajanālaṅkāra, bằng tiếng Pāli, là tài liệu bao quát nhất những lời Phật dạy cho người cư sĩ tại gia. Tác giả của tác phẩm này được cho là Ngài Ānanda (thế kỷ 12). Việc hồi hướng công đức mình làm được cho người khác được tán dương, ca tụng trong Phật giáo Ceylonese.

Luận Upāsakajanālaṅkāra công nhận 3 con đường giải thoát:

1. Sāvaka-bodhi
2. Pacceka-bodhi
3. Samyaksaṃbodhi

3 con đường giải thoát này (triyāna) được ghi nhận lại trong bản Kinh Nidhikaṇda-sutta trong Khuddakapāṭha, nhưng chỉ là những nét chấm phá ban đầu. Sau đó, 3 quả vị giải thoát này được trình bày rõ ràng trong bản Kinh Lotus-sūtra, trong Luận Yogācārabhūmi, và một vài văn bản khác. Tư tưởng Bồ Tat cũng được nhắc đến trong Thượng Tọa bộ, dưới hình thức văn bản Pāli, và một vài bia khắc, dù nội dung có ít nhiều sai khác. Tập Subodhālaṅkāra của Ngài Saṅgharakkhita, người Sri Laṅka, rất am tường thông thạo ngôn ngữ Sanskrit ra đời thế kỷ 12 Tây Lịch, dạy về thuật hùng biện. Tập Sihalavatthupakaraṇa bao gồm các câu chuyện dân gian, truyền thuyết bằng tiếng Pāli, được lưu giữ tại Ceylon. Tác phẩm này rất có ích cho việc nghiên cứu lịch sử Ceylon.

Các văn bản tiếng Sanskrit không thiếu tại Ceylon. Tập Luận Saḍaṃgam vidiya bằng tiếng Sanskrit, phần diễn giải tiếng Sinhanlesc, chuyên viết về những nghi lễ xây dựng hình ảnh. **Tập Narasihagāthā nổi tiếng** …..trong thuyền thống Thượng Tọa Bộ tại vùng Đông Nam Á, và có liên quan với Srī-Sākyasiṃhastotra.

Một số quốc gia Phật giáo khác cũng có biên soạn một vài tài liệu. Chẳng hạn tác giả King Lut’ai of Siam sáng tác tập Traibhūmikathā (Lịch sử Tam giới) năm 1345. Tuy tác phẩm đề cập vũ trụ học Siamese, nhưng dựa trên những tác phẩm Pāli khác. Có ít nhất 24 tác phẩm được ra đời, và một vài trong số đó thiên về thế tục. Tác giả Aggavaṃsa của Burma, vào thế kỷ XIII, đã sáng tác Saddanīti – chuyên về Ngữ pháp Pāli. Lúc bấy giờ, truyền thống A Tỳ Đàm mất dần tại Ceylon, nhưng lại tiếp tục phát triển mạnh tại Burma. Nhờ Bộ Mahavichedanf của Ngài Kassapa mà khoảng cách ấy cũng được xóa nhòa. Ngài là người bản xứ Cola của Nam Ấn giữa Thế kỷ XII, đầu Thế kỷ XIII

Lúc bấy giờ, tại Thái Lan và Miến Điện, nơi mà Chư Tăng được tôn kính, quý trọng, lợi ích tu thiền phát triển mạnh hơn. Nhiều trung tâm thiền được xây dựng. Phương pháp thiền tập phổ biến nhất là thiền quán niệm hơi thở - satipaṭṭhāna. Riêng phương pháp thiền do Ngài Chao Khun Mongkol Thepmuni (1885-1950) duy chỉ có tại Thái Lan mà thôi. Đây cũng là thời điểm thông thoáng và dễ dàng trong việc trao đổi văn hóa giữa các nước Phật giáo Nam truyền.